

Số: 68/2024/QĐST-HNGĐ

Càng Long, ngày 23 tháng 02 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 54/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: ông Phạm Đình S, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Khóm E, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Khóm F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 02 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 02 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Đình S và bà Nguyễn Thị Mai L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về quan hệ hôn nhân*: Ông Phạm Đình S và bà Nguyễn Thị Mai L tự nguyện thuận tình ly hôn.

*Về con chung*: Ông S và bà L xác nhận ông, bà có hai người con chung là Phạm Thị Trà M, sinh ngày 06/9/1997 và Phạm Đình Hải L1, sinh ngày 12/10/2008. Cháu Phạm Đình Hải L1 có nguyện vọng được sống chung với bà L

khi ông S, bà L ly hôn.

Ông S, bà L tự nguyện thỏa thuận khi ly hôn, bà L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Đình Hải L1 theo nguyện vọng của cháu L1.

Đối với cháu Phạm Thị Trà M: ông S và bà L đều xác nhận cháu M đã trưởng thành có sức khỏe, có việc làm ổn định và đã kết hôn có gia đình riêng không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết ông S có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Tòa án có giải thích theo quy định tại các Điều 82, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình về cấp dưỡng nuôi con nhưng bà L chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về phân cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

*Về tài sản:* Ông S và bà L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản nên không xem xét.

*Về nợ:* Ông S và bà L khai không có nên Tòa án không xem xét.

*Về án phí sơ thẩm:* Ông Phạm Đình S tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm, năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và được cân trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001465 ngày 08 tháng 01 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu; hoàn trả lại cho ông S 150.000 đồng (Một trăm, năm mươi nghìn đồng) tiền chênh lệch.

Bà L không phải chịu án phí sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Càng Long;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- UBND xã TT Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Trang**